CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xuất Nhập khẩu Hàng Không

Ngày 30/06/2025	28,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**12.4%**

DT thuần
Q2/25
73.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 23.0| 45.5%
YoY: ▲ 24.6| 50.2%

LN thuần
Q2/25
2.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.54| 31.7%
YoY: ▲ 0.85| 61.3%

LN sau thuế
Q2/25
1.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.42| 31.5%
YoY: ▲ 0.63| 56.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
3.5%
YoY: +/-▼ 0.7%

ROE (TTM)
Q2/25
13.9%
YoY: +/-▲ 1.9%

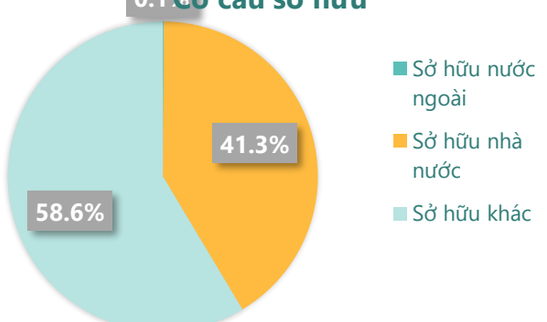
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	20,600 - 36,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	88
Số lượng CPLH (CP)	3,111,283
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.02)
EPS	1,718
P/E	16.4

DT thuần
6T 2025
124
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.0| -14.3%

LN thuần
6T 2025
3.92
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.93| 31.1%

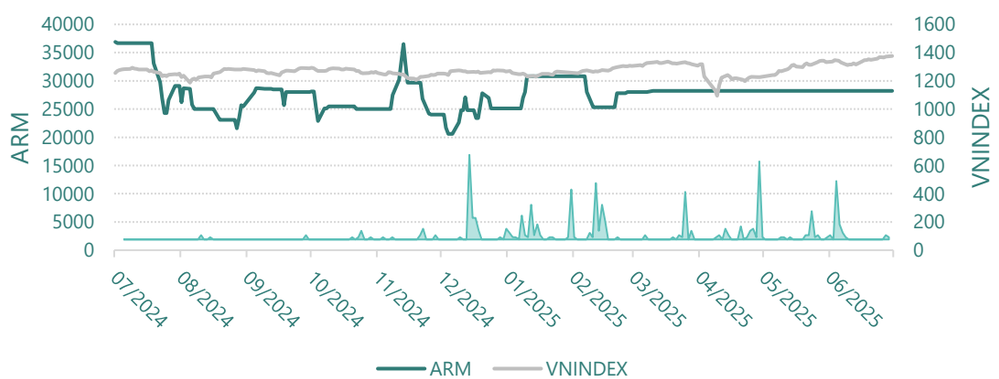
LN sau thuế
6T 2025
3.05
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.57| 23.1%

Cơ cấu sở hữu

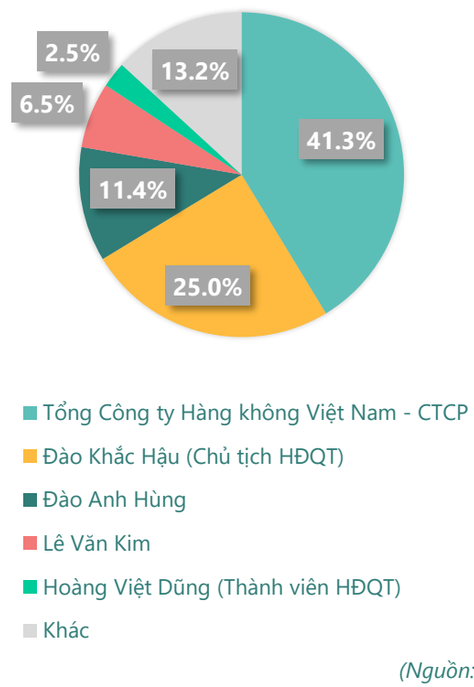


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



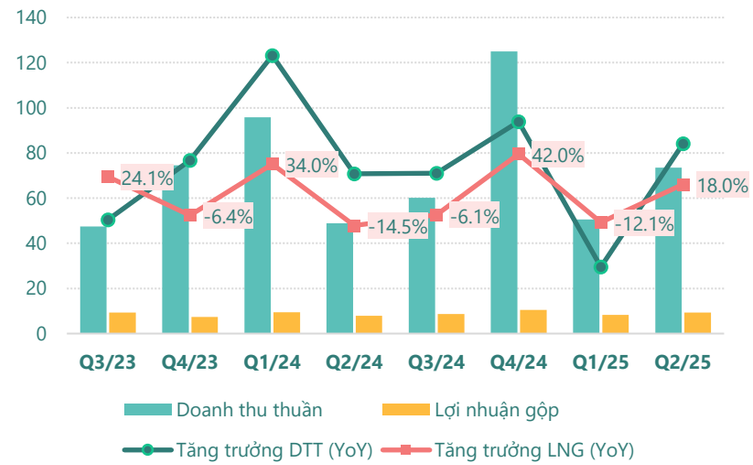
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

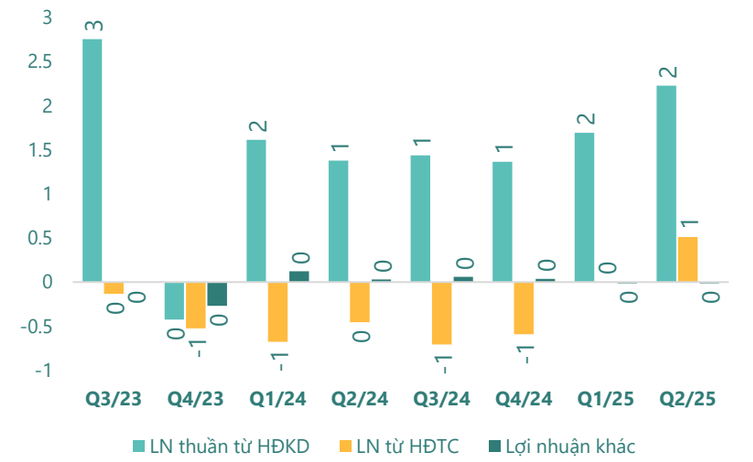
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



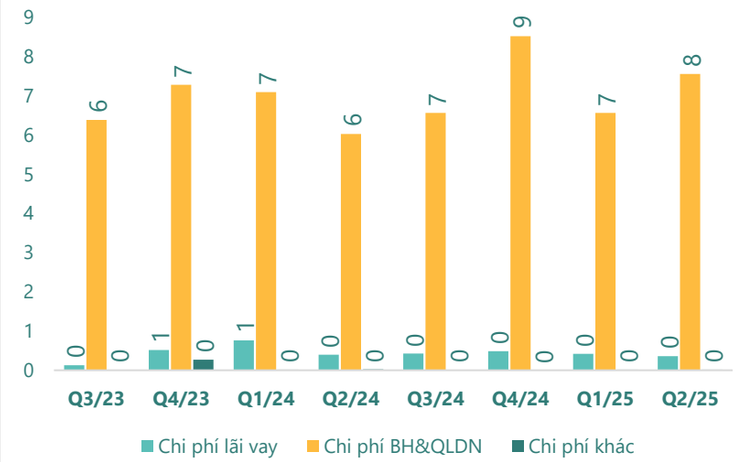
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



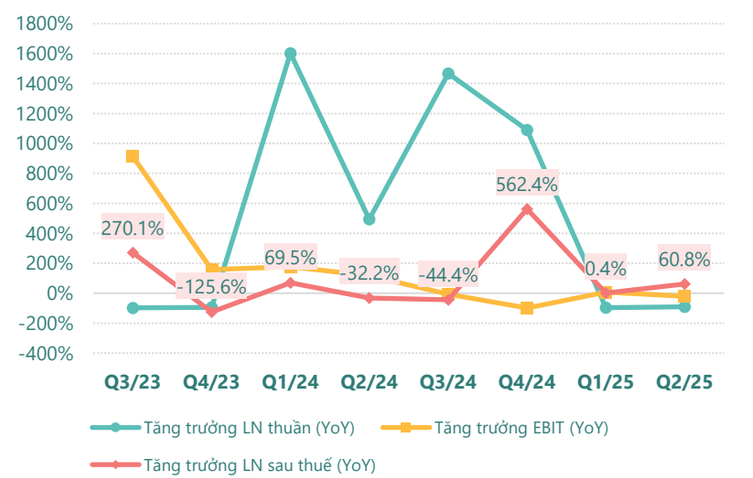
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



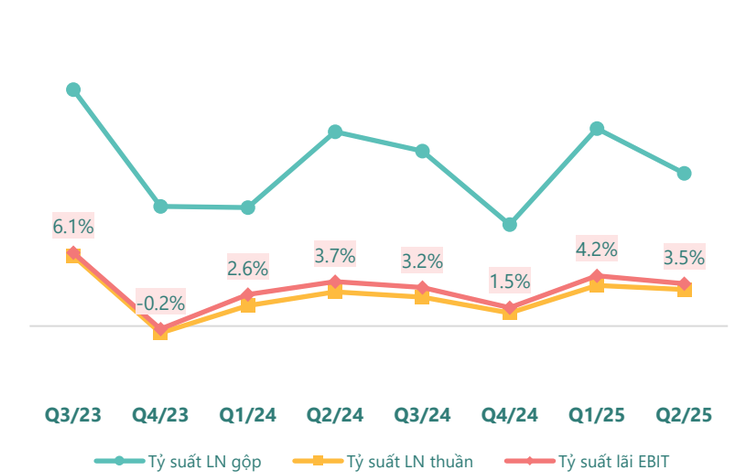
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



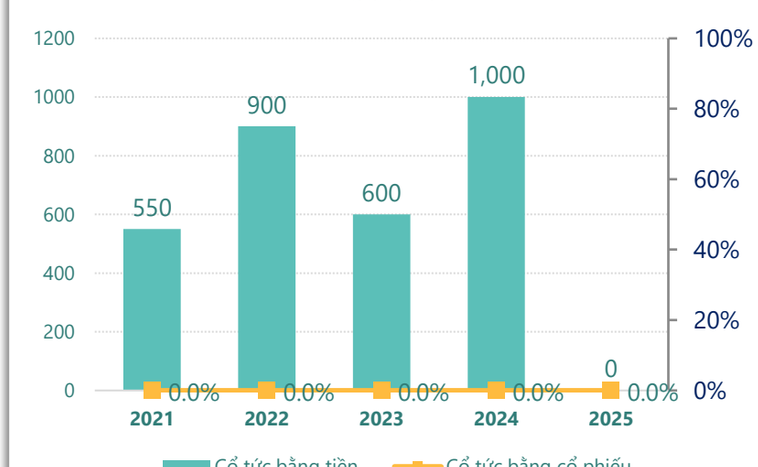
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

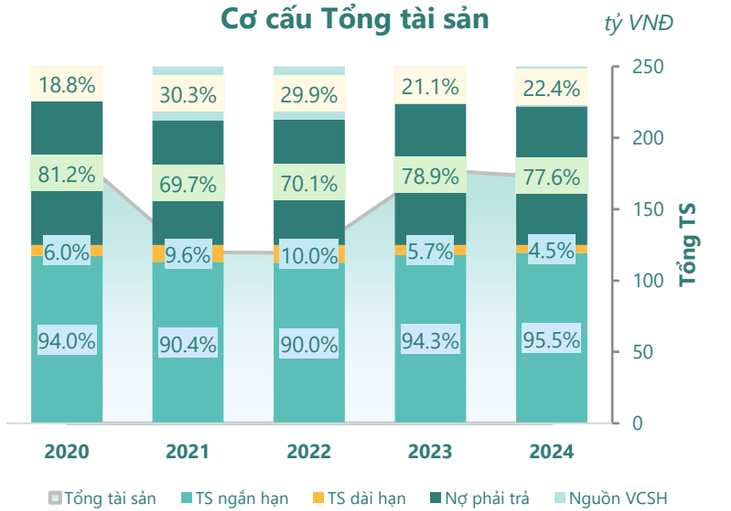
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

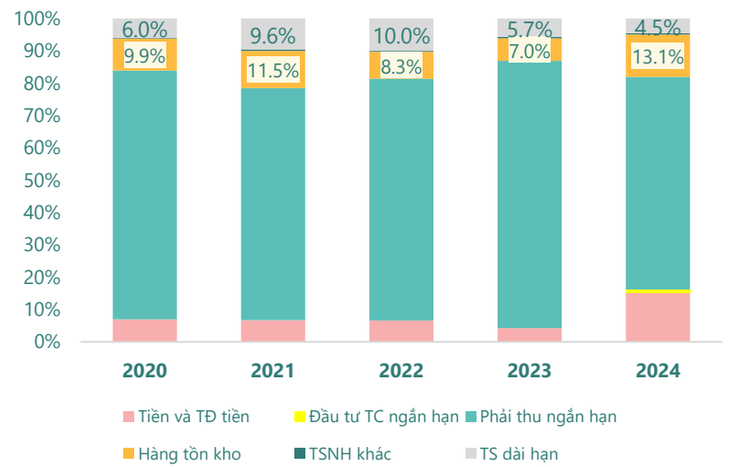
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



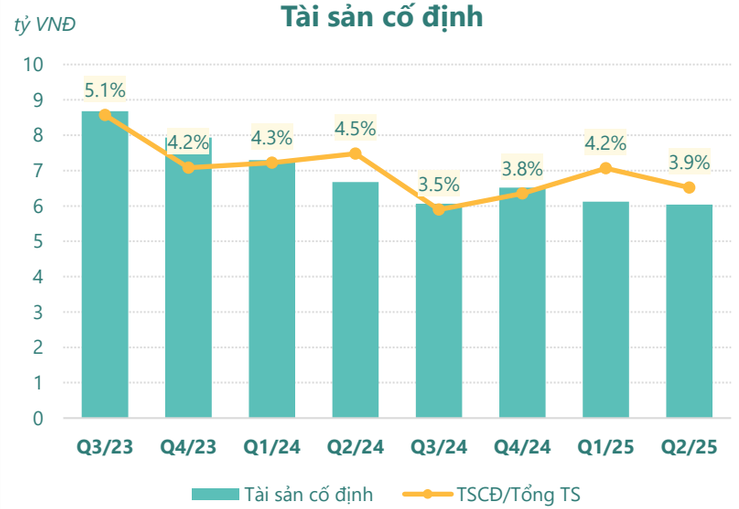
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



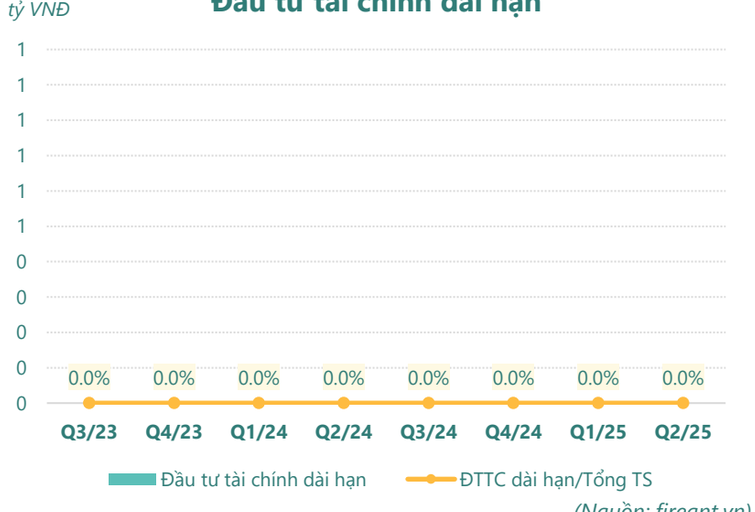
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



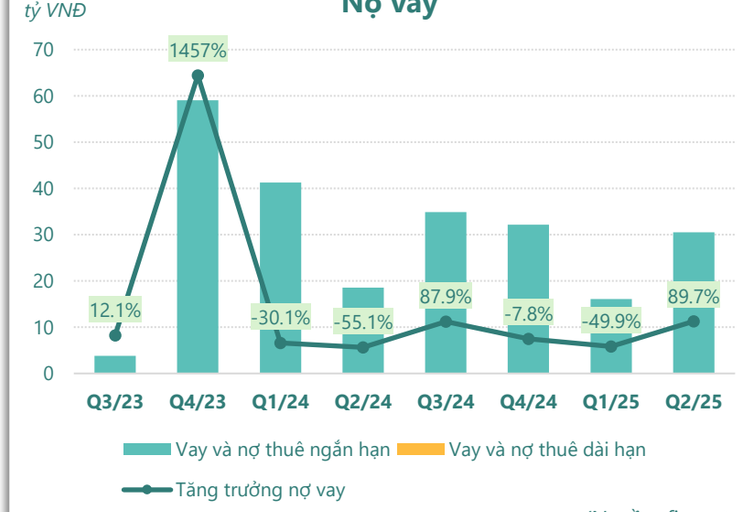
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

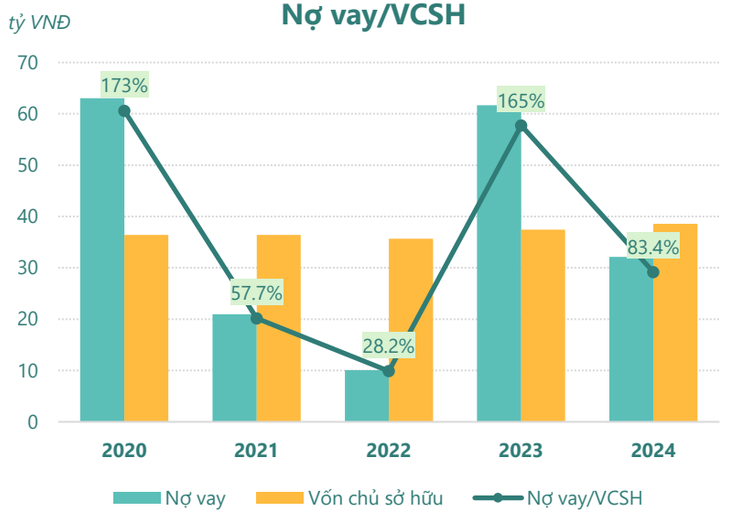
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

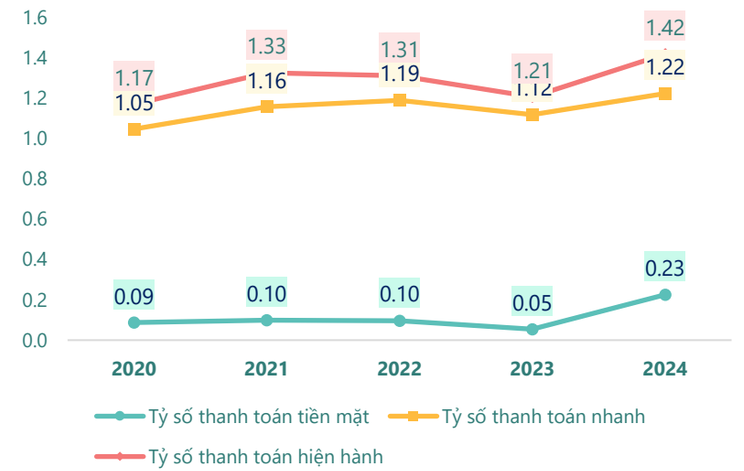
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



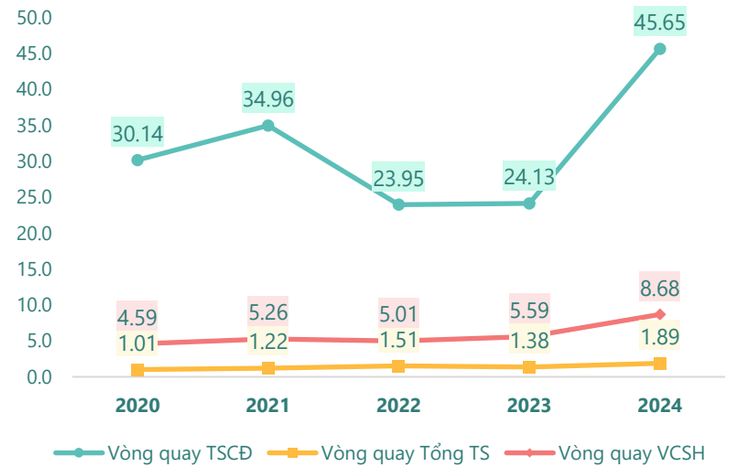
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



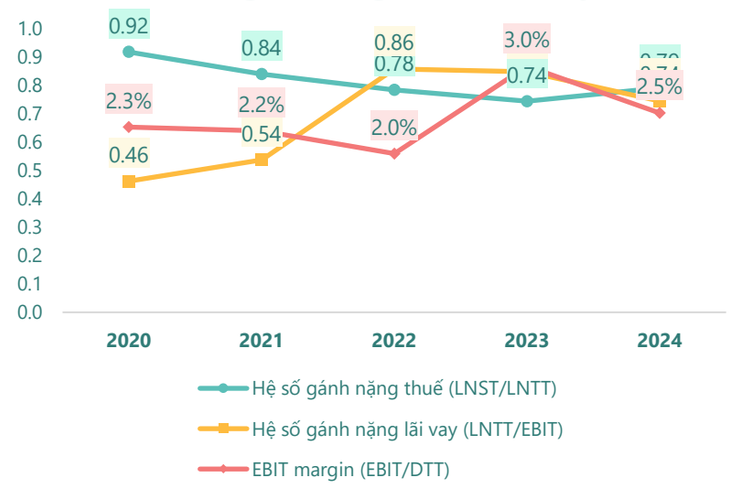
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



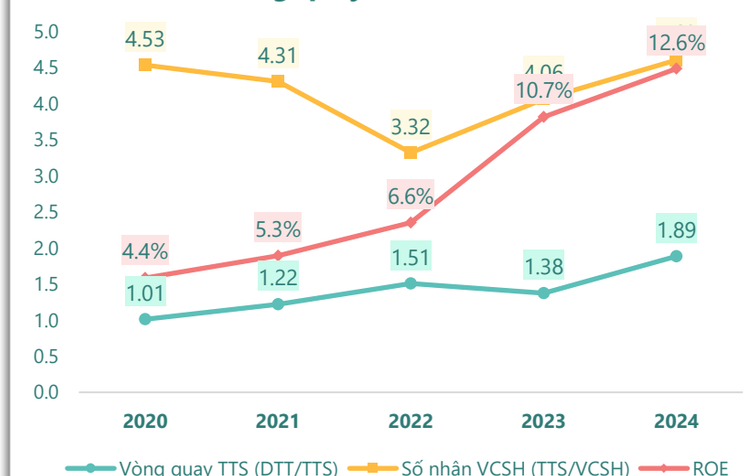
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



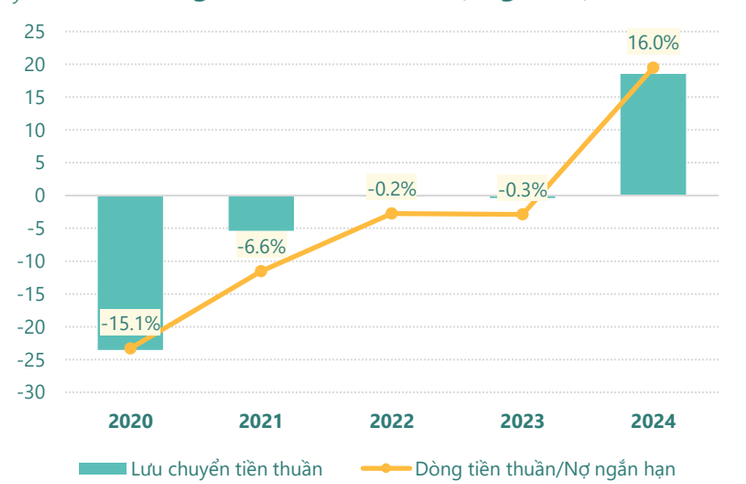
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**73.5**	**48.9**	**50.2%**	**124**	**145**	**-14.3%**
Giá vốn hàng bán	64.2	41.1	56.2%	106	127	-16.5%
Lợi nhuận gộp	9.27	7.86	18.0%	17.5	17.2	1.6%
Doanh thu HĐTC	1.16	0.13	790%	1.93	0.24	707%
Chi phí TC	0.65	0.58	11.3%	1.41	1.37	3.0%
Chi phí lãi vay	0.36	0.39	-8.1%	0.78	1.16	-32.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.99	1.79	10.9%	3.54	3.21	10.2%
Chi phí QLDN	**5.58**	**4.24**	**31.5%**	**10.6**	**9.92**	**6.8%**
LN thuần từ HĐKD	2.23	1.38	61.3%	3.92	2.99	31.1%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**0.03**	**-140%**	**-0.02**	**0.15**	**-116%**
LN trước thuế	2.21	1.41	57.0%	3.89	3.14	24.0%
Lợi nhuận sau thuế	**1.74**	**1.11**	**56.4%**	**3.05**	**2.48**	**23.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.74**	**1.11**	**56.4%**	**3.05**	**2.48**	**23.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	39.9	10.2	-0.54	2.50	4.36	-16.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.18	0.01	-0.88	-1.74	3.51
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.4	-25.9	16.5	-2.73	-16.1	14.4
Tiền đầu kỳ	7.56	27.0	11.4	27.2	26.1	12.6
Lưu chuyển tiền thuần	**19.5**	**-15.6**	**15.9**	**-1.10**	**-13.4**	**1.80**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.05	-0.17	0.01	-0.11	0.00
Tiền cuối kỳ	27.0	11.4	27.2	26.1	12.6	14.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**154**	**172**	**-10.5%**
Tài sản ngắn hạn	148	164	-10.3%
Tiền và tương đương tiền	14.4	26.1	-45.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1.75	-100%
Phải thu ngắn hạn	112	113	-1.2%
Hàng tồn kho	21.1	22.7	-6.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.23	0.71	-67.9%
Tài sản dài hạn	**6.74**	**7.83**	**-13.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	6.03	6.52	-7.5%
Bất động sản đầu tư	0.43	0.92	-53.2%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.28**	**0.39**	**-28.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	113	134	-15.2%
Nợ ngắn hạn	**112**	**116**	**-3.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.5	32.2	-5.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.3	15.0	75.2%
Nợ dài hạn	1.40	17.7	-92.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**40.8**	**38.6**	**5.8%**
Vốn chủ sở hữu	**40.8**	**38.6**	**5.8%**
Vốn điều lệ	31.1	31.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)